NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

PGS.TS. Bùi Thị Hoàng Lan*

Nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh, bền vững và bao trùm, trong đó đầu tư công tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và bảo đảm an sinh xã hội. Bài viết tập trung phân tích thực trạng đầu tư công tại Việt Nam, làm rõ những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế chủ yếu, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững và ổn định kinh tế - xã hội trong dài hạn.

• Từ khóa: *đầu tư công, tăng trưởng kinh tế, kết cấu hạ tầng.*

Vietnam's economy is entering a new stage of development that requires rapid, sustainable, and inclusive growth, in which public investment continues to play a pivotal role in guiding development, improving infrastructure systems, and ensuring social welfare. This paper analyzes the current state of public investment in Vietnam, clarifying the major achievements as well as the key shortcomings and limitations. On that basis, it proposes policy directions and solutions to enhance the efficiency of public investment capital utilization, thereby contributing to sustainable economic growth and long-term socio-economic stability.

• Key words: *public investment, economic growth, infrastructure.*

Ngày nhận bài: 03/02/2026
Ngày gửi phản biện: 21/3/2026
Ngày duyệt đăng: 27/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i312.02

Đặt vấn đề

Đầu tư công là công cụ quan trọng để Nhà nước định hướng phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và tạo động lực lan tỏa cho các khu vực kinh tế khác. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc sử dụng vốn đầu tư công vẫn còn hạn chế, thể hiện ở phân bổ chưa hợp lý, tiến độ triển khai chậm và hiệu quả kinh tế - xã hội của một số dự án chưa cao.

Trong bối cảnh nguồn lực ngân sách có hạn, áp lực cân đối tài khóa và kiểm soát nợ công gia tăng, việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư công không còn là lựa chọn mà là yêu cầu tất yếu. Điều này không chỉ nhằm khắc phục lãng phí, nâng cao kỷ luật tài chính, mà còn góp phần tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn.

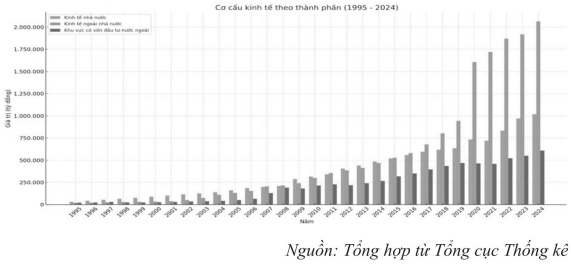
Thực trạng đầu tư công

Quy mô vốn đầu tư

Tại Việt Nam, tổng vốn đầu tư trong xã hội đã liên tục tăng lên trong thời gian qua, từ 72.447 tỷ đồng năm 1995 tăng lên 3.692,1 nghìn tỷ đồng năm 2024.

Số vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục tăng trưởng qua các năm (Hình 1), từ mức 634.948 nghìn tỷ đồng năm 2019 lên khoảng trên 850.000 nghìn tỷ đồng năm 2024, với tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2019-2024 đạt khoảng 6-7%/năm, thấp hơn nhiều so với mức tăng bình quân giai đoạn trước (1995-2019 đạt 13,35%/năm). Điều này phản ánh xu hướng giảm dần vai trò của đầu tư công trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đồng thời phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế, tăng cường huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Hình 1. Vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 1995-2024 (Tỷ đồng)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Về cơ cấu vốn đầu tư, tỷ trọng vốn đầu tư khu vực kinh tế nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục xu hướng giảm mạnh. Nếu như năm 2019 chiếm 33,68%, thì đến năm 2024 con số này chỉ còn khoảng 26-27%. Ngược lại, khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng gia tăng tỷ trọng, trong đó khu

** Trường Kinh tế và quản lý công- Đại học Kinh tế Quốc dân; email: lanbh@neu.edu.vn*

vực ngoài nhà nước duy trì vị thế lớn nhất kể từ sau năm 2015. Điều này cho thấy sự dịch chuyển rõ rệt: từ chỗ nhà nước giữ vai trò chủ đạo tuyệt đối trong đầu tư phát triển, sang mô hình phát triển dựa trên đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, trong đó kinh tế tư nhân và FDI trở thành động lực tăng trưởng chính.

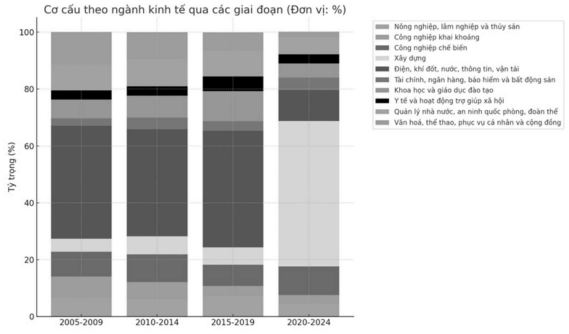
Như vậy, giai đoạn 2019-2024 có thể được xem là thời kỳ bản lề, đánh dấu bước chuyển mạnh mẽ từ "đầu tư công dẫn dắt" sang "tư nhân và FDI dẫn dắt", phù hợp với tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Cơ cấu đầu tư công theo ngành và lĩnh vực

Đầu tư công được phân thành 10 nhóm ngành chính bao gồm: (i) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; (ii) Công nghiệp chế biến; (iii) xây dựng; (iv) Điện, khí đốt, nước, thông tin, vận tải; (v) Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và bất động sản; (vi) Khoa học và giáo dục đào tạo; (vii) Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; (viii) Quản lý nhà nước, an ninh, quốc phòng, đoàn thể; (x) Văn hoá, thể thao, phục vụ cá nhân và cộng đồng.

Hình 2 cho thấy, trong giai đoạn 2005-2024, đầu tư công có xu hướng dịch chuyển từ các ngành nông nghiệp truyền thống sang các ngành dịch vụ, giáo dục, y tế và hạ tầng chiến lược. Các nhóm ngành liên quan đến hạ tầng và phát triển con người (xây dựng, điện - nước - thông tin - vận tải, giáo dục, y tế) chiếm tỷ trọng lớn, phản ánh chiến lược phát triển bền vững và hiện đại hóa nền kinh tế. Các lĩnh vực văn hóa, thể thao, tài chính và bảo hiểm tuy chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện chất lượng sống và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Hình 2: Cơ cấu đầu tư công theo ngành và lĩnh vực giai đoạn 2005-2024 (%)



Nguồn: Tính toán và tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Nhìn chung, cơ cấu đầu tư công theo ngành, lĩnh vực đã có sự chuyển dịch theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, cũng như thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đánh giá chung

Những thành tựu đạt được

Thời gian qua, hoạt động đầu tư công đã từng bước được cải thiện và nâng cao, thể hiện qua những khía cạnh sau:

Thứ nhất, kế hoạch đầu tư công đã được đổi mới theo hướng có tầm nhìn trung hạn, xác định rõ thứ tự ưu tiên và từng bước cải thiện cơ cấu phân bổ vốn, qua đó vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội. Nguồn vốn đầu tư công được tập trung cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu và các dự án quan trọng quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông như đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng, cùng với hệ thống thủy lợi, điện lực, thông tin liên lạc và hạ tầng đô thị. Đồng thời, đầu tư cho bệnh viện, trường học, công trình văn hóa - thể thao và các chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục được chú trọng.

Trong khuôn khổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, vốn ngân sách nhà nước ưu tiên cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhiều nhiệm vụ cấp bách như ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và khắc phục ô nhiễm môi trường biển miền Trung cũng được bố trí vốn kịp thời. Đặc biệt, các dự án có tính liên kết vùng, khả năng lan tỏa và dẫn dắt đầu tư tư nhân được ưu tiên, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Việc cơ cấu lại đầu tư công đã đạt kết quả ban đầu tích cực, thể hiện ở phân bổ vốn tập trung hơn, giảm dàn trải, nhiều dự án hoàn thành và phát huy hiệu quả rõ rệt, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, thủy lợi và y tế.

Thứ hai, hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam đã được cải thiện từng bước, cơ bản khắc phục tình trạng phân tán nguồn lực. Giai đoạn 2021 đến tháng 10/2025, số lượng dự án khởi công mới tiếp tục giảm so với các giai đoạn trước, trong khi mức vốn bố trí bình quân cho mỗi dự án tăng lên, phản ánh xu hướng tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm. Nhờ đó, hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư công được nâng cao, hạn chế lãng phí và kém hiệu quả.

Hệ số ICOR giảm dần qua các giai đoạn, từ khoảng 6,3 giai đoạn 2011-2015 xuống 6,1 giai đoạn 2016-2019 và dao động khoảng 6,1-6,5 giai đoạn 2020-2025, cho thấy hiệu suất sử dụng vốn được cải thiện dù vẫn còn dư địa tối ưu. Khu vực tư nhân ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong đầu tư hạ tầng và sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng khi quy mô GDP Việt Nam năm 2025 đạt trên 510 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới. Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội tiếp tục xu hướng giảm, từ bình quân 39,11% giai đoạn 2011-2015 xuống khoảng 34% giai đoạn 2016-2019 và duy trì đến năm 2025. Cơ cấu huy động vốn đầu tư chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng theo Luật Đầu tư công năm 2024, với tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 3,4 triệu tỷ đồng, tăng 55% so với giai đoạn trước.

Thứ ba, vốn đầu tư công, đặc biệt từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ, đã được phân bổ tập trung hơn, dần khắc phục tình trạng dàn trải phân tán và lãng phí vốn; các cơ chế tăng cường quyền tự chủ chủ động cùng trách nhiệm của các cấp ngành trong lựa chọn phê duyệt và phân bổ vốn cho dự án cụ thể được thực thi chặt chẽ hơn, tuân thủ mục tiêu định hướng phát triển theo quy định tại Nghị định 85/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công sửa đổi năm 2024, đảm bảo tính công khai minh bạch trong toàn bộ quy trình phân bổ vốn. Việc ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, các dự án quan trọng quốc gia, cũng như những chương trình dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế xã hội toàn quốc đã mang lại hiệu quả rõ rệt, góp phần nâng cao năng lực các ngành kinh tế then chốt.

Thứ tư, công tác giám sát đánh giá đầu tư được triển khai mạnh mẽ hơn, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời về tình hình triển khai và kết quả thực hiện các chương trình dự án, giúp cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt cụ thể diễn biến quá trình đầu tư để đưa ra quyết định xử lý kịp thời phù hợp, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, từ đó bảo đảm thực hiện chương trình dự án đúng tiến độ đúng yêu cầu chất lượng và nâng cao hiệu quả tổng thể của đầu tư công theo quy định tại Thông tư 37/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo tình hình thực hiện thanh toán vốn đầu tư công. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổng hợp lập giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm đã trở nên phổ biến, với Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công được tiếp tục hoàn thiện và vận hành hiệu quả, đảm bảo tính công khai minh bạch trong quản lý đầu tư phù hợp với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số. Những cải tiến này không chỉ nâng cao hiệu quả giám sát mà còn tích hợp với các nền tảng liên quan như Cổng thông tin quốc gia về đầu tư (vietnaminvest.gov.vn) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, tạo môi trường quản lý đầu tư công hiện đại và minh bạch hơn.

Những hạn chế, tồn tại

Theo đánh giá dựa trên 15 chỉ tiêu về chất lượng thể chế quản lý đầu tư công (PIMA) do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) xây dựng, điểm số của hệ thống quản lý đầu tư công tại Việt Nam vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình của nhóm các quốc gia đang phát triển, các nền kinh tế chuyển đổi và những quốc gia có điều kiện tương đồng. Trên thực tế, công tác quản lý đầu tư công vẫn bộc lộ một số hạn chế và tồn tại chủ yếu như sau:

Thứ nhất, thể chế và chính sách về đầu tư công tại Việt Nam chưa được điều chỉnh kịp thời để đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn, với một số quy định pháp luật còn thiếu đồng bộ thống nhất và khả thi, dẫn đến việc sửa đổi bổ sung diễn ra chậm chạp, ảnh hưởng đến hiệu quả tổng thể của hệ thống quản lý. Thể chế quản lý đầu tư công, bao gồm các khía cạnh như quản lý đầu tư quy hoạch lựa chọn dự án thực hiện dự án quản lý xây dựng đánh giá và giám sát dự án, vẫn chưa hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực tiễn. Cụ thể, việc phân cấp chưa được thực hiện triệt để, chưa gắn chặt chẽ với trách nhiệm và năng lực của cấp dưới, từ đó dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm và e ngại rủi ro, trong khi thủ tục lập thẩm định quyết định dự án vẫn còn phức tạp khiến nhiều dự án trọng điểm quan trọng quốc gia chỉ hoàn thành thủ tục đầu tư giữa kỳ kế hoạch mới được bố trí vốn, gây chậm trễ tiến độ và tăng chi phí không cần thiết. Một số văn bản quy định về vốn ODA và vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài dù mới ban hành nhưng đã phát sinh nhiều vướng mắc không phù hợp với thực tiễn, đòi hỏi phải sửa đổi sớm để tránh cản trở dòng vốn quốc tế và làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam đối với đối tác nước ngoài; đồng thời, các quy định liên quan đến đầu tư công ngân sách nhà nước xây dựng và môi trường vẫn tồn tại sự không thống nhất hoặc chưa phù hợp, gây

khó khăn trong thực hiện và làm chậm tiến độ giải ngân dự án, đặc biệt trong bối cảnh các dự án hạ tầng lớn cần sự phối hợp liên ngành chặt chẽ hơn. Những bất cập này đã được phần nào khắc phục thông qua Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thay thế và bổ sung cho Luật số 39/2019/QH14, với các quy định mới nhằm đẩy mạnh phân cấp phân quyền đơn giản hóa thủ tục và tăng cường minh bạch, chẳng hạn như phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B nhóm C cho Ủy ban nhân dân các cấp, nâng quy mô vốn cho dự án quan trọng quốc gia lên từ 30.000 tỷ đồng, và cho phép Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương mà không cần phê duyệt của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong một số trường hợp, cùng với việc tách công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập cho tất cả nhóm dự án để giảm thiểu trì hoãn. Luật này không chỉ đồng bộ hóa các quy định liên quan mà còn thể chế hóa các cơ chế thí điểm đặc thù, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và khắc phục dần các hạn chế tồn tại trong thực tiễn quản lý đầu tư công đến tháng 10/2025.

Thứ hai, vấn đề phân cấp phân quyền gắn với trách nhiệm trong quản lý đầu tư công tại Việt Nam chưa được làm rõ ràng, dẫn đến tình trạng chồng chéo và thiếu hiệu quả, trong khi trình tự thủ tục dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn phức tạp với sự tham gia của quá nhiều ngành cấp cơ quan theo quy định pháp luật, làm kéo dài thời gian xử lý và tăng gánh nặng hành chính. Quy định phân bổ vốn cho các bộ cơ quan trung ương và địa phương vẫn mang tính cào bằng thiếu trọng tâm trọng điểm, dẫn đến hiệu quả thấp, đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực ngân sách nhà nước còn hạn hẹp. Việc theo dõi đánh giá các dự án sử dụng vốn đầu tư công chưa đồng bộ và chưa được coi trọng đúng mức, với việc chưa xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội cụ thể cho các dự án đầu tư công, dẫn đến công tác theo dõi đánh giá kế hoạch và dự án đầu tư công gặp rất nhiều khó khăn; do đó, không rút được kinh nghiệm từ việc triển khai thực hiện các dự án đã hoàn thành để áp dụng cho lựa chọn các dự án mới, đồng thời quy trình báo cáo thực hiện dự án chưa được chuẩn hóa. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình liên quan tới đầu tư công còn chưa cao, với vai trò giám sát phản biện của các tổ chức chính trị xã hội và người dân đối với nhà nước vẫn còn yếu chưa được phát huy đầy đủ, dẫn đến rủi ro tham nhũng và lãng phí vốn, đặc biệt trong các dự án hạ tầng lớn.

Thứ ba, công tác triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công tại Việt Nam vẫn còn thiếu chủ động linh hoạt, với việc bố trí vốn chưa tập trung vào trọng tâm trọng điểm, dẫn đến hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao và chậm trễ tiến độ tổng thể. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công các năm đầu kỳ kế hoạch chậm nhất là vốn nước ngoài, với giai đoạn 2021-2024 chỉ đạt khoảng 66.528 tỷ đồng bằng 22% kế hoạch đầu kỳ và 44,9% kế hoạch điều chỉnh, trong khi 8 tháng đầu năm 2025 chỉ đạt 3.592,68 tỷ đồng tương đương 15,34% kế hoạch Thủ tướng giao, thấp hơn mức bình quân do chậm hoàn thiện thủ tục và giải phóng mặt bằng.

Thứ tư, cơ cấu đầu tư công tại Việt Nam còn dàn trải, thiếu tập trung vào các dự án trọng điểm. Nhiều dự án chậm triển khai, kéo dài tiến độ và phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, gây lãng phí và hiệu quả thấp; trong khi đó, các dự án quan trọng chưa được đẩy nhanh hoàn thành theo kế hoạch. Việc định hướng khai thác và huy động hiệu quả nguồn vốn từ các thành phần kinh tế khác chưa đạt kết quả, thể hiện ở việc vẫn bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực mà khu vực tư nhân có thể đầu tư, làm giảm vai trò dẫn dắt của đầu tư công. Công tác chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, thẩm định và giám sát chưa chặt chẽ, thiếu công khai, minh bạch; năng lực tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý của một số nhà đầu tư còn hạn chế. Điều này khiến nhiều dự án hạ tầng theo hình thức BT bộc lộ bất cập, như giao đất trước khi hoàn thành công trình với đơn giá thấp hơn nhiều so với thời điểm bàn giao, không bảo đảm nguyên tắc ngang giá, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Một số dự án BT không trả được nợ đúng hạn, phải gia hạn, khoanh nợ hoặc chuyển sang vốn nhà nước, thậm chí sử dụng Quỹ tích lũy trả nợ. Bên cạnh đó, công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, kéo dài tiến độ dự án; chất lượng chuẩn bị đầu tư còn hạn chế, việc phê duyệt dự án chưa bảo đảm đầy đủ quy định, đặc biệt về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, dẫn đến tình trạng phê duyệt mang tính hình thức để ghi vốn, chỉ hoàn thiện thủ tục đầu tư sau khi đã quyết định và bố trí vốn, chưa phù hợp với Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

Thứ năm, chất lượng lập kế hoạch và chuẩn bị dự án đầu tư công còn nhiều bất cập; công tác quản lý, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra chưa chặt

chẽ, trong khi nghiệm thu, thanh toán, quyết toán còn tồn tại nhiều vi phạm và thiếu chế tài xử lý đủ mạnh, làm gia tăng nguy cơ lãng phí nguồn lực quốc gia. Việc lập kế hoạch chưa được quan tâm đúng mức, các nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn chưa được thực hiện nghiêm, thể hiện qua tình trạng giao kế hoạch nhiều lần, không giải ngân hết phải trả lại vốn, thậm chí một số bộ, ngành đề nghị giảm kế hoạch vốn nước ngoài ngay sau khi kế hoạch được giao. Đối với nguồn vốn ODA, công tác xây dựng kế hoạch chưa bao quát đầy đủ các hiệp định đã ký, chưa cân đối hợp lý giữa nhu cầu vay và khả năng trả nợ, khiến nhiều dự án thiếu vốn và không thể giải ngân, đặc biệt với các hiệp định ký sau khi Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn được thông qua.

Gợi ý giải pháp

Qua những phân tích trên, tác giả đưa ra một số gợi ý nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công tại Việt Nam trong thơi gian tới:

Một là, tiếp tục đổi mới toàn diện khung pháp lý về đầu tư công theo hướng tiệm cận chuẩn mực quốc tế, đồng thời phù hợp với đặc thù của nền kinh tế chuyển đổi và hội nhập sâu rộng. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã tạo nền tảng quan trọng, song cần được rà soát, cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, chuyển đổi số, minh bạch và phát triển bền vững. Trọng tâm là hoàn thiện các quy định về lập kế hoạch, lựa chọn dự án, phân bổ nguồn lực, kiểm soát rủi ro và giám sát toàn bộ vòng đời dự án. Cần xây dựng quy trình chuẩn, bộ tiêu chí và quy chuẩn kỹ thuật thống nhất, đặc biệt đối với đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm dễ áp dụng và hạn chế tùy tiện trong thực thi. Đồng thời, áp dụng các chuẩn mực quốc tế về công khai thông tin, đấu thầu và thực thi hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả giám sát xã hội, tránh gia tăng thủ tục hành chính gây trì trệ và chi phí không cần thiết.

Song song với đó, cần thiết lập cơ chế phân quyền, ủy quyền rõ ràng và hợp lý. Chính phủ cần quy định minh bạch quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, chủ đầu tư và ban quản lý dự án, gắn phân cấp với năng lực quản lý, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm giải trình. Việc giao quyền lập kế hoạch và quyết định đầu tư phải dựa trên tiêu chí năng lực chuyên môn và khả năng chịu trách nhiệm. Trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu, cần được xác định rõ ở từng giai đoạn dự án, đi kèm yêu cầu công khai thông tin về kế hoạch, tiến độ, chi phí và hiệu quả đầu tư.

Hai là, tăng cường minh bạch trong quy trình lập kế hoạch, phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công. Cần xây dựng và áp dụng thống nhất các quy trình, quy chuẩn cho từng khâu, từ lập kế hoạch đến quyết toán vốn. Quá trình này phải bảo đảm sự tham gia của nhiều chủ thể, bao gồm cơ quan chuyên môn, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, nhằm nâng cao tính toàn diện và khả thi của kế hoạch đầu tư. Việc áp dụng bắt buộc các công cụ đánh giá chi phí - lợi ích (CBA) và đánh giá tác động xã hội, môi trường (SIA, EIA) sẽ giúp lựa chọn và ưu tiên các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, hạn chế tác động tiêu cực. Đồng thời, cần đẩy mạnh quản lý vốn tập trung và trực tuyến thông qua các nền tảng số, theo dõi sát tiến độ giải ngân, giảm tình trạng dàn trải, kém hiệu quả. Thông tin về thực hiện dự án và sử dụng vốn phải được công khai, cập nhật định kỳ.

Ba là, đẩy mạnh phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong quản lý đầu tư công. Việc phân định rõ trách nhiệm ngay từ đầu là cơ sở ngăn ngừa tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Cơ chế giải trình cần được thực hiện thông qua báo cáo định kỳ, đánh giá độc lập của các cơ quan kiểm toán và chuyên gia, đồng thời thiết lập kênh đối thoại thường xuyên giữa cơ quan quản lý, nhà thầu và cộng đồng để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nâng cao hiệu quả quản lý dự án đầu tư công.

Bốn là, xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, đánh giá rủi ro minh bạch và kịp thời trong đầu tư công. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong việc giám sát, cảnh báo sớm các rủi ro tài chính, kỹ thuật và tiến độ dự án đầu tư công. Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả dự án định kỳ, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và được các bên liên quan đóng góp ý kiến nhằm tăng cường tính hiệu quả và nhất quán của các dự án đầu tư công.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2025). Báo cáo số 528/BC-BTC tình hình phân bổ, giải ngân kế hoạch đầu tư công 9 tháng năm 2025; các khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

Thủ tướng Chính phủ (2025). Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 6/3/3025 về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công hàng năm tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Tổng cục Thống kê (2011-2024). Niên giám thống kê từ năm 2010 đến 2023.

Tổng cục Thống kê (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024